

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HS-ST

Ngày: 25/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị C**

2. Ông **Nguyễn Văn N**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn T** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị B** - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2024 tại Trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Đ và Tòa án nhân dân huyện M, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 84/2023/HSST ngày 29/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 05/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/HSST-QĐ ngày 28/02/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - sinh ngày 28/10/1978 tại tỉnh B; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Th bò; Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Thanh C - sinh năm 1958 và bà Lê Thị T - sinh năm 1959. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh G; gia đình bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1992, bị cáo là lớn nhất trong gia đình; Bị cáo trước đây sống chung như vợ chồng với chị Đặng Thị H - sinh năm 1974 và đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu T - sinh năm 1980 nhưng đã ly hôn; Bị cáo có 01 con sinh năm 1998. Hiện con của bị cáo đang trú tại: xã N, thị xã A, tỉnh B.

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 21/9/1998, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản công dân*” tại Bản án phúc thẩm hình sự số 660. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn đến ngày 30/9/2006 chấp hành xong hình phạt tù (chưa xoá án tích);

Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 12/11/2007, bị Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” và 01 năm tù về tội “*Đánh Bạc*” tại Bản án phúc thẩm hình sự số 35/2007/HSPT. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn đến ngày 26/4/2013 chấp hành xong hình phạt tù (Đã xoá án tích).

Ngày 27/02/2015, bị Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 07/2015/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn đến ngày 17/6/2017 chấp hành xong hình phạt tù (Đã xoá án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/9/2023, đến ngày 08/9/2023 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1962. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Ông **Phan Tiên Văn G**, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn 3, xã H1, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Ông **Nguyễn Mạnh Đ**, sinh năm 1975. Trú tại: Thôn S, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

4. Bà **Đỗ Thị L1**, sinh năm 1970. Thôn S, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

5. Ông **Ch**, sinh năm 1979. Trú tại: Làng T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh **Trần Quốc T1**, sinh năm 1992. Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện M, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Từ ngày 29/8/2023 đến ngày 01/9/2023, Nguyễn Văn T đã bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, tỉnh G, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 29/8/2023, Nguyễn Văn T đi bộ từ phòng trọ tại Thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh G đến thị trấn Đ, huyện Đ để trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước cổng chùa TT thuộc Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G thì bà Trần Thị Kim L (sinh năm 1962, trú tại Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) nhờ T dắt xe mô tô

biển số 81R4-2202 sang để phía bên kia đường. Thấy bà L không khoá cở xe rồi đi vào trong chùa nên T đã dắt xe mô tô biển số 81R4- 2202 đi xuống chợ Đ để cất chìa khóa xe rồi điều khiển xe mô tô biển số 81R4-2202 tiếp tục đi tìm tài sản để trộm cắp.

* Tại Kết luận định tài sản số 98/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: *01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Smash Revo, màu đen, biển số 81R4-2202 (mua vào năm 2010) trị giá 3.500.000 đồng.*

Lần thứ hai: Chiều ngày 29/8/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 81R4-2202 đi dạo để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà anh Phan Tiên Văn G (sinh năm 1983) tại Thôn 3, xã H1, huyện Đ, tỉnh G, T thấy cổng mở, trước hiên nhà để một máy cắt cỏ hiệu Husqvarna không có ai trông coi nên đã đi bộ vào lấy trộm máy cắt cỏ trên rồi điều khiển xe mô tô biển số 81R4-2202 chở máy cắt cỏ đến tiệm sửa chữa Tuấn Hiền của anh Trần Quốc T1 (sinh năm 1992) tại Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện M, tỉnh G bán được 800.000 đồng.

* Tại Kết luận định tài sản số 98/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: *01 (một) máy cắt cỏ nhãn hiệu Husqvarna 143, đầu máy màu cam, không có lưỡi cắt (mua vào năm 2020) trị giá 1.000.000 đồng.*

Lần thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 01/9/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 81R4-2202 đến địa phận xã H, huyện Đ, tỉnh G để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Mạnh Đ (sinh năm 1975) tại thôn S, xã H, huyện Đ, tỉnh G, thấy đoạn đường vắng người nên T đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh Đ, T để xe mô tô biển số 81R4-2202 ở bên hông nhà rồi đi ra phía sau, dùng tay giật tung chốt cửa sau rồi đi vào bên trong nhà và dùng đèn pin của điện thoại Oppo A77S để soi tìm tài sản. T tìm thấy một cái lắc tay kim loại màu vàng được cất trong gói ngủ trên giường ngủ nên đã cầm lắc tay cùng một cái chăn màu vàng nâu rồi đi ra chỗ để xe mô tô biển số 81R4-2202. Lúc này, T phát hiện đã để quên điện thoại Oppo A77S ở bên trong nhà anh Đ nên quay lại lấy thì gặp anh Đ vừa đi làm về, T nói “*Có thằng em tôi nó tới chỗ anh làm gì mà rút điện thoại trong nhà anh, anh cho tôi xin lại*” nhưng anh Đ không đồng ý nên T điều khiển xe mô tô 81R4-2202 về phòng trọ tại Thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh G để cất giấu tài sản trộm cắp.

Sau khi T đi, anh Đ vào bên trong nhà kiểm tra thì phát hiện bị mất một số tài sản như trên và dưới nền nhà có một chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A77S nên đã làm đơn trình báo cơ quan Công an đồng thời giao nộp chiếc điện thoại di động trên.

* Tại Kết luận định tài sản số 98/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: *01 (một) chăn nhung, màu nâu vàng, kích thước (1,6x 2)m (mua vào đầu năm 2022) trị giá 30.000 đồng.*

* Tại Kết luận giám định số 1968/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Phân viện KHHS tại Đà Nẵng kết luận: *Phân kim loại màu vàng của chiếc lắc đeo tay được mạ vàng (Au), phía trong lớp mạ vàng là hợp kim loại đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 61,0% và kẽm là 39,0%; tổng khối lượng phân kim loại màu vàng của chiếc lắc là 38,45 gam; tổng khối lượng các hạt chất màu trắng là 2,05 gam.*

* Tại Kết luận định giá tài sản số 151/KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: *01 chiếc lắc đeo tay bằng kim loại (gồm đồng 61,0%, kẽm 39,0%) màu vàng, kích thước (dài 20cm, rộng 1,3cm), có mặt hình tròn, trên mặt hình tròn có đính các hạt chất màu trắng, tổng khối lượng mẫu là 40,50gam trị giá 310.000 đồng.*

Lần thứ tư: Trưa ngày 01/9/2023, T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 81R4-2202 đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà anh Ch (sinh năm 1979) tại làng T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G, T thấy cổng không khóa, sân nhà có xe mô tô biển số 81C1-189.56 gắn chìa khóa trên xe nên T đã bỏ xe mô tô biển số 81R4-2202 ở ngoài đường rồi đi bộ vào bên trong sân và điều khiển xe mô tô biển số 81C1-189.56 đi về phòng trọ để cất giấu.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Ch đi làm về thì phát hiện xe mô tô biển số 81C1-189.56 để trong sân nhà đã bị mất, còn ở đường trước nhà có xe mô tô biển số 81R4-2202 nên đã làm đơn trình báo cơ quan Công an đồng thời giao nộp xe mô tô 81R4-2202.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: *01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Winner, màu xám xanh, biển số 81C1-189.56 (mua vào tháng 3/2023) trị giá 21.000.000 đồng.*

Qua kiểm tra điện thoại di động hiệu Oppo A77S do anh Nguyễn Mạnh Đ giao nộp, có hình ảnh và một giấy đăng ký kết hôn giữa Nguyễn Văn T (sinh năm 1978, trú tại Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh G) và chị Nguyễn Thị Thu T (sinh năm 1980, trú cùng thôn) nên Công an huyện Đ đã mời Nguyễn Văn T lên trụ sở làm việc. Tại đây, T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên đồng thời giao nộp các tài sản gồm một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Winner, màu xám xanh, biển số 81C1-189.56; một chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, kích thước (dài 20cm, rộng 1,3cm), có mặt hình tròn, trên mặt hình tròn có đính các hạt chất màu trắng; một chặn nhung, màu nâu vàng, kích thước (1,6x 2)m; một mũ bảo hiểm màu đỏ, 2 bên hông mũ có in chữ “THÁI BÌNH”, kích thước (5,7x6)cm; một quần jeans dài màu xanh nhãn hiệu Lacoste; một áo khoác phao màu xám, ở cổ áo có đính vải thêu chữ “Q&T”; một áo thun có cổ, loại ngắn tay màu vàng nhạt, 2 bên hông dọc thân áo có viền đen và số tiền 1.200.000 đồng. Ngoài

ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu từ anh Trần Quốc T1 một máy cắt cỏ nhãn hiệu Husqvarna 143, đầu máy màu cam, không có lưỡi cắt.

2. Về vật chứng: Các vật chứng liên quan trong vụ án gồm:

- Đối với các tài sản do bị cáo trộm cắp, sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, 2 bên hông mũ có in chữ “THÁI BÌNH”, kích thước (5,7x6)cm; 01 quần jeans dài màu xanh nhãn hiệu Lacoste; 01 áo khoác phao màu xám, ở cổ áo có đính vải thêu chữ “Q&T”; 01 áo thun có cổ, loại ngắn tay màu vàng nhạt, 2 bên hông dọc thân áo có viền đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s, màu đen, số IMEI 1: 866996064167515, số IMEI 2: 866996064167507 và số tiền 1.200.000 đồng (đã được tạm gửi vào số tài khoản của Công an huyện Đ). Qua điều tra xác định đây là những tài sản của bị cáo nên chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp để xử lý theo quy định.

3. Về dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Anh Trần Quốc T1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 800.000 đồng. Hiện bị cáo chưa trả lại cho anh Tuấn.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 25/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản; Về dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Quốc T1 số tiền 800.000 đồng; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì

nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 29/8/2023 đến ngày 01/9/2023 tại địa bàn huyện Đ, tỉnh G, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Trần Thị Kim L là một xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Smash Revo, màu đen, biển số 81R4-2202 trị giá 3.500.000 đồng; của anh Phan Tiên Văn G là một máy cắt cỏ nhãn hiệu Husqvarna 143, đầu máy màu cam, không có lưỡi cắt trị giá 1.000.000 đồng; của anh Nguyễn Mạnh Đ là một chăn nhung màu nâu vàng có kích thước (1,6x 2)m trị giá 30.000 đồng, một chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, kích thước (dài 20cm, rộng 1,3cm), có mặt hình tròn, trên mặt hình tròn có đính các hạt chất màu trắng trị giá 310.000 đồng; của anh Ch là xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Winner, màu xám xanh, biển số 81C1-189.56 trị giá 21.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là 25.840.000 đồng.

Bị cáo hoàn toàn nhận thức được quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản bất hợp pháp đều bị pháp luật trừng trị; Bị cáo đã từng 03 lần bị xét xử cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà bất chấp các quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản, lén lút nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích; đồng thời, bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp đủ yếu tố cấu T tội phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g và h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã T khẩn khai báo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian dài bằng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Các tài sản do bị cáo trộm cắp, sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, 2 bên hông mũ có in chữ “THÁI BÌNH”, kích thước (5,7x6)cm; 01 quần jeans dài màu xanh (cũ) nhãn hiệu Lacoste; 01 áo khoác phao màu xám (cũ), ở cổ áo có đính vải thêu chữ “Q&T”; 01 áo thun có cổ, loại ngắn tay màu vàng nhạt (cũ), 2 bên hông dọc thân áo có viền đen. Bị cáo không yêu cầu nhận lại, các vật chứng này cũng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s, màu đen, model TA 1017, số IMEI 1: 866996064167515, số IMEI 2: 866996064167507 (Tình trạng máy khi giao nhận đã cũ, bề mặt hình). Đây là công cụ phương tiện liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng của bị cáo cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về dân sự: Các bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; riêng đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Quốc T1 về việc buộc bị cáo bồi thường số tiền 800.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền này.

[7] Về các vấn đề khác: Anh Trần Quốc T1 là người đã mua máy cắt cỏ nhãn hiệu Husqvarna 143, đầu máy màu cam, không có lưỡi cắt. Tuy nhiên, anh Tuấn không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 02/9/2023.

3. Về dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Trần Quốc T1 số tiền 800.000 đồng (*Tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự

4.1 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, 2 bên hông mũ có in chữ “THÁI BÌNH”, kích thước (5,7x6)cm;
- 01 quần jeans dài màu xanh (cũ) nhãn hiệu Lacoste;
- 01 áo khoác phao màu xám (cũ), ở cổ áo có đính vải thêu chữ “Q&T”;
- 01 áo thun có cổ, loại ngắn tay màu vàng nhạt (cũ), 2 bên hông dọc thân áo có viền đen;

4.2 Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s, màu đen, model TA 1017, số IMEI 1: 866996064167515, số IMEI 2: 866996064167507. Tình trạng máy khi giao nhận đã cũ, bề màn hình;

Tình trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/12/2023 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4.3 Tiếp tục bảo thủ số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng) của bị cáo tại số tài khoản 5012203000016 của Công an huyện Đ theo Lệnh thanh toán lập ngày 30/11/2023 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ Đông G để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/3/2024), bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H